

ĐỘT PHÁ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

BÙI PHƯƠNG ĐÌNH*

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng của phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong bối cảnh đó, Học viện Hành chính và Quản trị công không chỉ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức mà còn phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu và tư vấn chính sách trong lĩnh vực hành chính, quản lý nhà nước và quản trị công. Trên cơ sở phân tích yêu cầu đặt ra đối với Học viện và nhận diện các điểm nghẽn chủ yếu, bài viết đề xuất các định hướng tạo đột phá nhằm nâng cao chất lượng, giá trị ứng dụng và tác động chính sách của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Học viện trong giai đoạn 2026 - 2030.

Từ khóa: Học viện Hành chính và Quản trị công; đột phá khoa học, công nghệ; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số; giai đoạn 2026 - 2030.

Science, technology, innovation, and digital transformation are important drivers of national development in the new period. In this context, the Academy of Public Administration and Governance is not only an institution for training and fostering cadres, but also expected to strengthen its role as a center for research and policy advisory in public administration, state management, and public governance. Based on an analysis of the requirements placed on the Academy and the identification of major constraints, this article proposes strategic directions to create breakthroughs that enhance the quality, practical value, and policy impact of scientific research, technology, and innovation activities at the Academy during the 2026 - 2030 period.

Keywords: Academy of Public Administration and Governance; breakthroughs in science and technology; innovation; digital transformation; the 2026 - 2030 period.

NGÀY NHẬN: 17/3/2026

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/4/2026

NGÀY DUYỆT: 18/5/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.364.2026.1500>

1. Yêu cầu đặt ra từ tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (năm 2026) của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh, bền vững, tự

chủ và dựa nhiều hơn vào tri thức, công nghệ, dữ liệu và chất lượng thể chế. Trong các định hướng lớn của giai đoạn 2026 - 2030, khoa

* TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được xác định làm động lực chính gắn với bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế¹. Tinh thần đó được đặt trong sự tiếp nối trực tiếp với Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế phải đi trước một bước, tạo môi trường cho lao động sáng tạo và khuyến khích đổi mới². Chính phủ cũng đã ban hành chương trình hành động để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng cụ thể hóa nhiệm vụ, phân công trách nhiệm và ưu tiên nguồn lực³.

Xét ở cấp độ chính sách và quản trị công, yêu cầu đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ dừng ở việc tăng đầu tư cho nghiên cứu mà còn đòi hỏi chuyển từ cách tiếp cận quản lý dựa trên đầu vào sang quản lý dựa trên kết quả và sự tác động. Đối với hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu trong khu vực công, cần tổ chức lại quy trình lựa chọn đề tài, phân bổ nguồn lực, thẩm định sản phẩm và sử dụng kết quả nghiên cứu nhằm phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực bộ máy và chất lượng phục vụ Nhân dân. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là đối tượng quản lý nhà nước (QLNN) mà còn phải trở thành công cụ, phương thức đổi mới quản trị, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, hoàn thiện thể chế, tăng cường năng lực điều hành và thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Trong môi trường đó, hoạt động nghiên cứu khoa học của các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về quản trị công không thể dừng ở việc mô tả cơ chế hiện hành mà phải

tham gia trực tiếp vào việc cung cấp luận cứ, mô hình, công cụ và giải pháp cho tiến trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

Đây chính là yêu cầu đặt ra đối với Học viện trong giai đoạn hiện nay. Với vị trí là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực hành chính, QLNN, quản trị công và pháp luật, Học viện cần được nhìn nhận không chỉ ở chức năng đào tạo mà còn ở vai trò “sản xuất” tri thức, chuyển giao tri thức và tư vấn chính sách cho hệ thống chính trị⁴. Vì vậy, bàn về đột phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Học viện thực chất là bàn về năng lực đóng góp của Học viện đối với quá trình hiện đại hóa quản trị quốc gia theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng.

Từ góc độ QLNN, có thể hiểu yêu cầu tạo đột phá đối với Học viện trên ba phương diện: (1) Tạo ra tri thức có chất lượng, có giá trị tham chiếu và tư vấn đối với quá trình hoạch định và thực thi chính sách; (2) Hình thành năng lực tổ chức nghiên cứu hiện đại, có khả năng tích hợp giữa khoa học xã hội, khoa học dữ liệu và kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan công quyền; (3) Thúc đẩy chuyển đổi số trong nội bộ Học viện để môi trường đào tạo, nghiên cứu và quản trị trở thành một không gian học thuật số, qua đó, tạo điều kiện cho đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu và tư vấn chính sách.

2. Vị thế, trách nhiệm và cơ hội phát triển của Học viện Hành chính và Quản trị công

Quyết định số 55-QĐ/HVCTQG ngày 08/01/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xác định Học viện Hành chính và Quản trị công là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và tư vấn chính sách trong các lĩnh vực hành

chính, QLNN, quản trị công, pháp luật và các lĩnh vực liên quan. Kế thừa nền tảng phát triển từ Trường Hành chính thành lập năm 1959, Học viện có lợi thế đặc biệt do có sự gắn kết giữa đào tạo, bồi dưỡng với thực tiễn quản trị nhà nước.

Những năm gần đây, Học viện đã chủ động, tích cực chuyển mạnh sang nghiên cứu gắn với yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa quản trị và giải quyết các vấn đề mới đặt ra đối với hệ thống công vụ. Một số hoạt động, như: tập huấn về ứng dụng AI trong đổi mới quản trị công⁵; hội thảo khoa học về vai trò của hệ thống dữ liệu số tập trung trong hiện đại hóa quản lý, quản trị của Học viện⁶; tọa đàm về năng lực chính quyền cấp xã trong vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp⁷ cho thấy, Học viện đã chủ động tiếp cận những vấn đề lớn, mới và có tính thời sự của nền quản trị quốc gia. Mặt khác, bối cảnh phát triển hiện nay cũng mở ra cơ hội thuận lợi để Học viện tạo bước chuyển mạnh hơn về hoạt động nghiên cứu khoa học, như: Đảng và Nhà nước coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là khâu đột phá chiến lược; đồng thời, Việt Nam duy trì xếp hạng thứ 44 về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2025⁸; cùng với sự hình thành Trung tâm Dữ liệu quốc gia và xu hướng chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống công quyền⁹ đã tạo nên môi trường chính sách và thực tiễn thuận lợi hơn cho đổi mới hoạt động nghiên cứu trong khu vực công. Qua đó, mở ra cơ hội thuận lợi để Học viện tạo bước chuyển mạnh hơn về hoạt động nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, cơ hội chỉ có thể trở thành động lực phát triển khi được chuyển hóa thành chiến lược hành động và thiết chế vận hành phù hợp. Nếu không nhận diện đúng các điểm nghẽn nội tại và không đổi mới cách tổ chức hoạt động khoa học, Học viện sẽ khó phát huy đầy đủ vai trò của một trung tâm nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao tri

thức về hành chính, QLNN và quản trị công trong giai đoạn mới. Nhìn rộng hơn, cơ hội phát triển của Học viện còn đến từ việc đất nước đang triển khai nhiều chương trình cải cách lớn, như: tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xây dựng chính quyền số, phát triển dữ liệu quốc gia, hoàn thiện thể chế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là những lĩnh vực mà Học viện có thể tham gia với tư cách chủ thể nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn chính sách. Nếu biết kết nối đúng giữa nhu cầu thực tiễn với năng lực học thuật, Học viện không chỉ được hưởng lợi từ bối cảnh cải cách mà còn có thể góp phần định hình các chuẩn mực quản trị mới trong khu vực công.

3. Những điểm nghẽn chủ yếu trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Học viện

Thứ nhất, cơ chế quản lý nghiên cứu vẫn còn chịu ảnh hưởng của tư duy quản lý theo thủ tục hành chính, như: chú trọng nhiều đến hồ sơ, quy trình, chứng từ hơn là kết quả, sự tin cậy và giá trị mới, khả năng ứng dụng và tác động chính sách của sản phẩm nghiên cứu. Mặc dù cách tiếp cận này giúp bảo đảm kỷ cương quản lý nhưng nếu kéo dài sẽ làm giảm động lực sáng tạo, nhất là đối với các nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu thử nghiệm hoặc nghiên cứu cần phản ứng nhanh trước những vấn đề mới của thực tiễn quản trị.

Thứ hai, khoảng cách giữa nghiên cứu, giảng dạy và thực tiễn quản trị nhà nước ở một số lĩnh vực vẫn còn khá rõ. Học viện có thế mạnh về lý luận và đào tạo, bồi dưỡng nhưng không phải mọi chủ đề và kết quả nghiên cứu đều được chuyển hóa thành khuyến nghị chính sách, tài liệu bồi dưỡng, bộ công cụ quản trị hay mô hình thí điểm áp dụng trong thực tiễn. Trong khi đó, bối cảnh mới đòi hỏi nghiên cứu phải đi sát thực tiễn hơn, kịp thời hơn và có khả năng phản hồi chính sách rõ hơn.

Thứ ba, còn thiếu hạ tầng dữ liệu, năng lực số và điều kiện hỗ trợ nghiên cứu. Nếu dữ liệu chưa trở thành hạ tầng nền của hoạt động khoa học trong bối cảnh quản trị hiện đại vận hành ngày càng dựa trên dữ liệu thì đổi mới sáng tạo sẽ khó đi vào chiều sâu.

Thứ tư, cơ chế hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành và có sản phẩm nổi tiếp còn chưa rõ nét. Điều này tạo ra một khoảng trống lớn khi nhiều vấn đề mới của thực tiễn đòi hỏi sự kết hợp đa ngành giữa quản trị công, luật học, khoa học dữ liệu, kinh tế học thể chế, xã hội học, khoa học hành vi và công nghệ số.

Thứ năm, cơ chế chuyển giao và đo lường tác động của kết quả nghiên cứu chưa thật sự tương xứng với đặc thù của khoa học quản trị công. Nếu chỉ đo sản phẩm nghiên cứu chủ yếu bằng số lượng bài báo, hội thảo hay đề tài nghiệm thu thì chưa phản ánh đúng giá trị của những sản phẩm có tác động trực tiếp đến chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cải tiến quy trình quản trị. Trong khi đó, một kết quả nghiên cứu chỉ thật sự phát huy giá trị khi được sử dụng trong thực tiễn và góp phần giải quyết được bài toán của cơ quan công quyền, của địa phương hoặc người dân.

Năm điểm nghẽn nêu trên không tồn tại tách rời mà có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cơ chế quản lý nặng về thủ tục sẽ làm giảm động lực đổi mới; khoảng cách giữa nghiên cứu và thực tiễn làm suy giảm giá trị sử dụng của sản phẩm khoa học; hạ tầng dữ liệu và năng lực số yếu khiến chất lượng nghiên cứu khó nâng lên; thiếu nhóm nghiên cứu mạnh sẽ dẫn đến tình trạng phân tán nguồn lực; cơ chế chuyển giao chưa phù hợp sẽ khiến kết quả nghiên cứu khó đi vào cuộc sống. Vì vậy, yêu cầu đặt ra không phải là xử lý từng điểm nghẽn theo cách đơn lẻ mà phải tái thiết đồng bộ hệ sinh thái nghiên cứu của Học viện theo hướng hiện đại, mở và dựa trên giá trị công.

4. Định hướng tạo đột phá trong giai đoạn 2026 - 2030

Một là, đổi mới tư duy tổ chức hoạt động khoa học theo hướng lấy vấn đề lớn của nền quản trị quốc gia làm trung tâm. Học viện cần chuyển từ hình thức phân tán đề tài theo niên độ sang xây dựng danh mục nghiên cứu trọng điểm mang tính liên ngành, triển khai trong thời gian trung và dài hạn, gắn với các chủ đề mà đất nước đang cần, như: tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; quản trị dữ liệu công; ứng dụng AI trong khu vực công; cải cách công vụ trong bối cảnh số hóa; quản trị rủi ro thể chế; đánh giá chất lượng quản trị và chất lượng cung ứng dịch vụ công. Cách tiếp cận này sẽ giúp sử dụng nguồn lực tập trung hơn; đồng thời, tạo điều kiện để hình thành các nhóm nghiên cứu có chiều sâu và có khả năng tạo sản phẩm nổi tiếp.

Theo hướng này, việc xây dựng danh mục nghiên cứu trọng điểm cần được gắn với những vấn đề lớn của nền quản trị quốc gia trong giai đoạn 2026 - 2030, như: hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quản trị dữ liệu công, chuyển đổi số trong cung ứng dịch vụ công, cải cách chế độ công vụ, quản trị đô thị thông minh, quản trị phát triển vùng, chính sách công thích ứng với già hóa dân số và biến đổi khí hậu. Mỗi chương trình nghiên cứu cần được thiết kế theo chuỗi sản phẩm rõ ràng, bao gồm: báo cáo kiến nghị chính sách, bộ công cụ hoặc bộ chỉ số đánh giá, tài liệu bồi dưỡng, mô hình thí điểm và kiến nghị thể chế. Chỉ khi đó, nghiên cứu mới thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của nền quản trị công.

Hai là, hoàn thiện cơ chế quản lý và đánh giá hoạt động khoa học. Cần tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định nội bộ theo hướng giảm thủ tục không cần thiết, tăng quyền tự chủ học thuật đi đôi với trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch trong tổ chức nghiên cứu. Cùng với đó, hệ thống đánh giá

kết quả nghiên cứu cần chuyển từ chỗ thiên về kiểm đếm sản phẩm sang đánh giá chất lượng khoa học, giá trị mới, khả năng chuyển giao và mức độ tác động đến đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn chính sách và thực tiễn quản trị. Đối với khoa học quản trị công, một báo cáo chính sách được tiếp nhận, một bộ công cụ được cơ quan sử dụng hoặc một học liệu được chuyển hóa từ nghiên cứu cần được ghi nhận như những sản phẩm có giá trị thực chất.

Cùng với đổi mới quy chế, Học viện cần thiết lập cơ chế khuyến khích sáng tạo và chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu khoa học. Đặc thù của hoạt động nghiên cứu là không phải mọi ý tưởng đều có thể cho kết quả như nhau. Vì vậy, đánh giá cần đặt trọng tâm vào tính mới, tính cần thiết và mức độ đóng góp của kết quả đối với thực tiễn quản trị, thay vì tuyệt đối hóa các chỉ tiêu hình thức. Nghiên cứu xây dựng quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ ý tưởng mới ở quy mô phù hợp, ưu tiên các nhóm nghiên cứu trẻ, liên ngành và các chủ đề có khả năng tạo tác động chính sách. Đồng thời, phải tăng trách nhiệm giải trình về tiến độ, chất lượng và khả năng ứng dụng của từng sản phẩm nghiên cứu.

Ba là, xây dựng hạ tầng dữ liệu và nền tảng số phục vụ các nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy và quản trị Học viện trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là điều kiện nền tảng để nâng cao chất lượng hoạt động khoa học trong giai đoạn tới. Học viện cần từng bước xây dựng kho dữ liệu học thuật - quản trị dùng chung; chuẩn hóa quy trình thu thập, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu; phát triển thư viện số, cổng nghiên cứu và các công cụ hỗ trợ khảo sát, phân tích, trích xuất, lưu trữ tri thức. Trên nền tảng đó, có thể đẩy mạnh ứng dụng AI ở mức phù hợp trong tìm kiếm tài liệu, hỗ trợ tổng hợp thông tin, quản trị tri thức và hỗ trợ ra quyết định; đồng thời, bảo đảm

nghiêm yêu cầu về đạo đức học thuật, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của con người trong sử dụng công nghệ.

Bốn là, nghiên cứu xây dựng mô hình phòng thí nghiệm chính sách hoặc không gian thử nghiệm chính sách và quản trị (virtual lab for policy and governance) với quy mô phù hợp với chức năng của Học viện. Đối với lĩnh vực hành chính, quản trị công, nhiều giải pháp chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được thử nghiệm, đánh giá và hoàn thiện trên cơ sở phản hồi từ thực tiễn. Vì vậy, cùng với nghiên cứu lý luận, Học viện cần phát triển những thiết chế mềm có khả năng kết nối các nhà khoa học, cơ quan quản lý, địa phương và các đối tác công nghệ để cùng thiết kế, thử nghiệm và đánh giá các mô hình, quy trình hoặc công cụ mới. Đây là hướng đi phù hợp với yêu cầu gắn nghiên cứu với đổi mới quản trị; đồng thời, tạo bản sắc riêng cho Học viện trong hệ sinh thái khoa học của khu vực công.

Trong điều kiện của một cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu về quản trị công, mô hình phòng thí nghiệm chính sách có ý nghĩa đặc biệt. Đây là không gian để tập hợp các nhà khoa học, nhà quản lý và đối tác thực tiễn cùng tham gia vào quá trình nhận diện vấn đề, thiết kế phương án, mô phỏng tác động, thử nghiệm quy mô nhỏ và rút kinh nghiệm chính sách. So với cách làm nghiên cứu truyền thống, phòng thí nghiệm chính sách giúp rút ngắn khoảng cách giữa tri thức học thuật và quyết định quản trị; đồng thời, tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao hơn, như: bộ quy trình mẫu, khung đánh giá, cẩm nang triển khai hoặc gói giải pháp phục vụ bộ, ngành và địa phương. Đây cũng là môi trường quan trọng để bồi dưỡng tư duy đổi mới sáng tạo cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và học viên.

Năm là, phát triển đội ngũ nghiên cứu mạnh theo hướng liên ngành và có khả năng hội nhập thực chất. Học viện cần có chính

sách phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học; đồng thời, khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu theo chủ đề gắn với định hướng chiến lược. Trọng tâm là tăng cường đào tạo về phương pháp nghiên cứu hiện đại, phân tích dữ liệu, viết báo cáo chính sách, công bố khoa học và khai thác công cụ số. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế cũng cần chuyển từ hình thức sang chiều sâu, ưu tiên các hoạt động cùng nghiên cứu, cùng công bố, chia sẻ dữ liệu, trao đổi học thuật và phát triển chương trình bồi dưỡng liên kết.

Phát triển đội ngũ nghiên cứu mạnh không thể chỉ dừng ở bồi dưỡng cá nhân mà cần chuyển sang tổ chức lực lượng khoa học theo nhóm chuyên môn có định hướng dài hạn. Mỗi nhóm nghiên cứu nên được giao một chủ đề chiến lược, có kế hoạch công bố, kế hoạch hợp tác với cơ quan thực tiễn và cơ chế đánh giá riêng theo chu kỳ. Bên cạnh năng lực chuyên sâu về hành chính học, quản trị công và chính sách công, đội ngũ của Học viện cần được tăng cường năng lực về phương pháp nghiên cứu hiện đại, phân tích dữ liệu, đánh giá tác động, sử dụng công cụ số và làm việc liên ngành. Quốc tế hóa đội ngũ cũng cần được hiểu theo hướng thực chất, tức là mở rộng hợp tác học thuật để học hỏi phương pháp, kinh nghiệm và chuẩn mực nghiên cứu tiên tiến; đồng thời, nâng cao khả năng tham gia vào các mạng lưới tri thức khu vực và quốc tế.

Sáu là, gắn chặt hoạt động nghiên cứu của Học viện với nhu cầu cải cách quản trị quốc gia và yêu cầu thực tiễn của bộ, ngành và địa phương. Cần thiết lập cơ chế hợp tác nghiên cứu theo hướng cùng đặt hàng vấn đề, cùng tham gia nghiên cứu, cùng sử dụng kết quả giữa Học viện với bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan. Khi địa phương và cơ quan công quyền trở thành đối tác của quá trình nghiên cứu, tính xác thực của dữ liệu, tính khả thi của giải pháp và khả

năng đo lường tác động của kết quả nghiên cứu sẽ được nâng lên rõ rệt, qua đó, khẳng định vai trò, uy tín và giá trị của Học viện trong hệ thống khoa học và tư vấn chính sách của đất nước.

Để bảo đảm tính bền vững, mối liên kết này cần được thể chế hóa thành quy trình hợp tác ổn định, thay vì chỉ dừng ở các hoạt động phối hợp theo vụ việc, mang tính thời điểm. Trên cơ sở đó, Học viện có thể phát triển mô hình hợp tác thực chất, hướng tới tạo ra sản phẩm gắn trực tiếp với nhu cầu quản trị, như: bộ khung năng lực, bộ tiêu chí đánh giá, cẩm nang triển khai, chương trình bồi dưỡng chuyên đề hoặc giải pháp số hỗ trợ quản trị. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao giá trị ứng dụng của nghiên cứu mà còn góp phần định vị Học viện như một chủ thể quan trọng trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khu vực công.

5. Kết luận

Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đặt ra yêu cầu phải tạo bước chuyển thực chất về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc. Đối với Học viện Hành chính và Quản trị công, yêu cầu đó không chỉ là nhiệm vụ thích ứng với xu thế phát triển mới mà còn là điều kiện để khẳng định vị thế của một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn chính sách trong lĩnh vực hành chính, QLNN và quản trị công.

Muốn tạo đột phá, Học viện cần đổi mới đồng bộ từ tư duy nghiên cứu, cơ chế quản lý, phương thức tổ chức nguồn lực đến hạ tầng dữ liệu và mô hình chuyển giao kết quả nghiên cứu. Điểm cốt lõi là phải làm cho hoạt động khoa học gắn chặt hơn với thực tiễn quản trị, với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và với các vấn đề phát triển mới của đất nước. Khi đó, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mới thực sự trở thành động lực nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực tư vấn

chính sách và đóng góp thực chất của Học viện đối với công cuộc xây dựng nền hành chính hiện đại, nền quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân trong giai đoạn 2026 - 2030.

Nói cách khác, đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Học viện phải được nhìn nhận như một nhiệm vụ chiến lược lâu dài, gắn với quá trình hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Thành công của nhiệm vụ này không chỉ được đo bằng số lượng đề tài, hội thảo hay công bố khoa học mà quan trọng hơn là bằng khả năng cung cấp luận cứ khoa học cho chính sách, hỗ trợ các cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề mới, đào tạo được đội ngũ cán bộ có tư duy quản trị hiện đại và tạo dựng văn hóa học thuật liên chính, đổi mới, phụng sự. Đây chính là thước đo căn bản của một cơ sở giáo dục và nghiên cứu công lập trọng điểm quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước □

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tập II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 385 - 386.

2. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

3. Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

4. *Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi*. <https://apag.edu.vn>, ngày 25/12/2025.

5. *Tập huấn “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới quản trị công”*. <https://apag.edu.vn>, ngày 12/11/2025.

6. Hội thảo khoa học: *“Vai trò của hệ thống dữ liệu số tập trung nhằm hiện đại hóa công tác quản lý, quản trị tại Học viện Hành chính và Quản trị công”*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 23/10/2025.

7. *Năng lực chính quyền cấp xã trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp*. <https://apag.edu.vn>, ngày 12/01/2026.

8. *Việt Nam duy trì xếp hạng 44 về Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu 2025*. <https://baochinhphu.vn>, ngày 16/9/2025.

9. *Trung tâm Dữ liệu quốc gia: khai mở kỷ nguyên tri thức*. <https://baochinhphu.vn>, ngày 20/8/2025.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Bá Chiến (2025). *Đảng bộ Học viện Hành chính và Quản trị công trong kỷ nguyên mới*. Tạp chí Quản lý nhà nước số 353, tháng 6/2025.

2. Toan Van Dinh (2019). *Development of Enterprises in Universities and Policy Implications for University Governance Reform in Vietnam*. VNU Journal of Science Economics and Business 35(1). Doi:10.25073/2588-1108/vnueab.4201.

3. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 phê duyệt Đề án “Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2026”*.

4. *Học viện Hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành Nội vụ và đất nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 06/10/2020.

5. *Học viện Hành chính Quốc gia - những dấu ấn 65 năm xây dựng và phát triển*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 26/5/2024.

6. *Phát triển kinh tế số ở Trung Quốc và một số hàm ý chính sách*. <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 03/10/2024.

7. *Đột phá về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số - Động lực then chốt để đưa dân tộc Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên vươn mình*. <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 20/01/2025.

8. *Phát triển Học viện Hành chính và Quản trị công trở thành trung tâm quốc gia về đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực hành chính, quản lý nhà nước và quản trị công*. <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày 18/7/2025.